TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2022.
V/v: "Ly hôn giữa anh X và chị N "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Trung Thành

Ông Nguyễn Xuân Nghị.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn X ; Sinh năm: 1979*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm 11, thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn:Chị Lê Thị N; Sinh năm: 1981*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm 11, thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2022 và toàn bộ quá trình tố tụng nguyên đơn anh Bùi Văn X trình bày: Anh và chị Lê Thị N kết hôn vào ngày 13/01/2000, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ tháng 3/2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và

chị N đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Thùy L, sinh ngày 19/01/2001 và Bùi Thị Thùy A, sinh ngày 07/11/2013. Hiện cháu L đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự lập. Đối với cháu Thùy A hiện đang ở cùng chị N . Nay ly hôn, anh đề nghị nhường quyền nuôi con chung Thùy A cho chị N và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Bùi Văn X vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 04/11/2022, bị đơn chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Bùi Văn X kết hôn vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X không chung thủy, không chăm lo cho gia đình và không tôn trọng chị. Từ năm 2015 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay anh X xin ly hôn, chị đồng ý. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Thùy L, sinh ngày 19/01/2001 và Bùi Thị Thùy A, sinh ngày 07/11/2013. Hiện cháu L đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự lập. Đối với cháu Thùy A hiện đang ở cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được quyền nuôi con chung Thùy A và yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của anh X và chị N , UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa anh Bùi Văn X và chị Lê Thị N. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thùy A, sinh ngày 07/11/2013. Anh Bùi Văn X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn X có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn X phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn X

, chị Lê Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn X , chị Lê Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Anh Bùi Văn X và chị Lê Thị N kết hôn vào ngày 13 tháng 01 năm 2000, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống và thiếu niềm tin ở nhau. Anh chị có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh X xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, chị N cũng đồng ý. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa anh X và chị N nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn X đối với chị Lê Thị N.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Thùy L, sinh ngày 19/01/2001 và Bùi Thị Thùy A, sinh ngày 07/11/2013. Hiện cháu L đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự lập. Đối với cháu Thùy A hiện đang ở cùng chị N . Trên cở sở xem xét yêu cầu của đương sự cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy: Con chung Thùy L đã trưởng thành và lao động tự lập nên không đặt ra để xem xét. Đối với con chung Thùy A, để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung, giao cho chị Lê Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thùy A. Anh Bùi Văn X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng, kể từ tháng 1/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn X có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Xuân, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn X phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn X , chị Lê Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Bùi Văn X và chị Lê Thị N.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thùy A, sinh ngày 07/11/2013. Anh Bùi Văn X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.800.000 đồng, kể từ tháng 1/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn X có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn X phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004742 ngày 07/10/2022. Anh Bùi Văn X còn phải nộp 300.000 đồng.

4.Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn X , chị Lê Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP